

Số: 146/2017/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 01 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Ng**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 29, tổ 13, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh **Trương Văn C**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 29, tổ 13, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Ng và anh Trương Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Trần Thị Ng và anh Trương Văn C cùng xác nhận có 02 con chung. Cháu Trương Đức T, sinh ngày 04/5/1993 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Giao con chung là Trương Thanh T, sinh ngày 25/01/2008 cho chị Trần Thị Ng trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn. Anh Trương Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng cho cháu T là 500.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ mỗi tháng một lần. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2017 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Chị Trần Thị Ng và anh Trương Văn C tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Ng tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N⁰ 0003261 ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả lại cho chị Ng số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Anh Trương Văn C phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADSTP Tuyên Quang;
- Các đ- ơng sự;
- UBND P. N;
- L- u hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Ngọc Lan